TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2022
V/v: Ly hôn giữa anh D và chị P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Lò Văn Khẹt.

2 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/4/2022 và ngày 10/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sộng A D, sinh 1975, trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vàng Thị P, sinh 1976, trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách, xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Trọng Dương – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

Anh Quàng Văn Đ, trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Anh Sộng A D trình bày:

Anh và chị Vàng Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 26/6/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Vàng Thị P hay ghen tuông, cuộc sống luôn bất hòa. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh Sộng A D xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn chị Vàng Thị P.

Về con chung: Có một con là Sộng A Giống, sinh ngày 03/02/2004. Cháu Sộng A Giống hiện nay đã lớn muốn ở với ai cũng được.

Về tài sản chung, riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh có đơn rút yêu cầu ngày 15/3/2022.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng chính sách, xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La số tiền gốc 42.000.000, đồng theo chương trình hỗ trợ hộ nghèo.

Nợ anh Quàng Văn Đề ở bản Nà Vìa, xã Y, huyện Mường La số tiền vay để chuộc con gái là 14.000.000, đồng.

Anh yêu cầu khoản nợ trên chia đôi mỗi người trả một nửa.

Bị đơn chị Vàng Thị P trình bày:

Chị xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Sộng A D và chị Vàng Thị P. Không công nhận nguyên nhân mâu thuẫn như lời khai của nguyên đơn anh Sộng A D. Theo chị nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh Sộng A D ngoại tình, dẫn đến bỏ vợ con, nay chị thấy chưa đến mức phải ly hôn, chị xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có một con là Sộng A Giống, sinh ngày 03/02/2004 cháu đã lớn trưởng thành và hiện đang ở với chị.

Về tài sản chung, riêng: Đều không nhất trí chia.

Về nợ: Nợ Ngân hàng chính sách, xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La số tiền gốc 42.000.000, đồng theo chương trình hỗ trợ hộ nghèo;

Nợ anh Quàng Văn Đề, ở bản Nà Vìa, xã Y, huyện Mường La số tiền vay tiền để chuộc con gái là 14.000.000, đồng.

Chị không có ý kiến gì về các khoản nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách, xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La trình bày:

Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600080630 ngày 16/6/2021 Ngân hàng cho gia đình anh Sộng A D, chị Vàng Thị P vay theo chương trình hộ nghèo, số tiền gốc vay là 42.000.000, đồng. Tính đến nay đang thanh toán. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh Sộng A D là người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 42.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quàng Văn Đề trình bày: Ngày 12/11/2020 có cho hai vợ chồng anh Sộng A D, chị Vàng Thị P vay số tiền 14.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn anh yêu cầu anh Sộng A D là người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 14.000.000, đồng và không tính lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ để xử cho anh Sộng A D được ly hôn chị Vàng Thị P.

Về tài sản chung, riêng: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Anh Sộng A D có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La số tiền vay gốc là 42.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Anh Quàng Văn Đề 7.000.000, đồng.

Chị Vàng Thị P có trách nhiệm trả nợ cho:

Anh Quàng Văn Đề 7.000.000, đồng.

Thanh toán trả cho anh Sộng A D số tiền chênh lệch nợ Ngân hàng ½ là 21.000.000, đồng.

Anh Sộng A D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Vàng Thị P sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bầy nguyện vọng, chị Vàng Thị P đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã Y, huyện Mường La và đã

triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt chị Vàng Thị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sộng A D và chị Vàng Thị P có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận đến năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do chị Vàng Thị P ghen tuông, hai người thường xuyên cãi chửi nhau. Hai người sống ly thân từ năm 2021 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh Sộng A D và chị Vàng Thị P đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh Sộng A D yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho anh Sộng A D được ly hôn chị Vàng Thị P.

[3] Về con chung: Có một con là Sộng A Giống, sinh ngày 03/02/2004 hiện nay cháu lớn, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Khoản nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La được xác định là khoản vay nợ về xây dựng gia đình nằm trong chương trình hỗ trợ hộ nghèo mua bò, cải tạo ao, vườn. Hiện xác định anh Sộng A D yêu cầu chia đôi khoản nợ cho chị Vàng Thị P trả ½, đồng thời đại diện Ngân hàng cũng có yêu cầu anh Sộng A D là người có trách nhiệm trả nợ gốc là 42.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Khoản nợ anh Quàng Văn Đề 14.000.000, đồng do hai vợ chồng đến vay, anh Sộng A D là người trực tiếp ký nhận tiền. Xác định số tiền này được chi tiêu chung cho gia đình. Anh Quàng Văn Đề yêu cầu anh Sộng A D là người có trách nhiệm trả cho anh khoản vay gốc và không tính lãi. Anh Sộng A D yêu cầu chia đôi khoản nợ cho chị Vàng Thị P trả ½.

Theo quy định Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình số nợ được phân chia trách nhiệm trả nợ cho chị Vàng Thị P là có căn cứ chấp nhận như sau:

Anh Sộng A D có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La số tiền vay gốc là 42.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Anh Quàng Văn Đề 7.000.000, đồng.

Chị Vàng Thị P có trách nhiệm trả nợ cho:

Anh Quàng Văn Đề 7.000.000, đồng.

Thanh toán trả cho anh Sộng A D số tiền chênh lệch nợ Ngân hàng ½ là 21.000.000, đồng.

Anh Sộng A D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho anh Sộng A D được ly hôn chị Vàng Thị P.

2. Về tài sản chung, riêng: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về nợ chung:

Anh Sộng A D có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La số tiền vay gốc là 42.000.000, đồng (bốn mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600080630 ngày 16/6/2021.

Anh Quàng Văn Đề 7.000.000, đồng (bẩy triệu đồng), số tiền này không tính lãi.

Chị Vàng Thị P có trách nhiệm trả nợ cho:

Anh Quàng Văn Đề 7.000.000, đồng (bẩy triệu đồng), số tiền này không tính lãi.

Thanh toán trả cho anh Sộng A D số tiền chênh lệch nợ Ngân hàng ½ là 21.000.000, đồng (hai mươi mốt triệu đồng).

4. Về án phí: Anh Sộng A D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0000086 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Anh Sộng A D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/5/2022.

Chị Vàng Thị P, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La, anh Quàng Văn Đề được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Y, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn